

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 197-V02/TPP-CTY/2024

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN PHÚ VIỆT NAM.

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: (028) 38609003

Fax : (028) 38607622

E-mail: info@tanphuvietnam.vn

Mã số doanh nghiệp: 0303640880

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Ngày Cấp/Nơi cấp:

(đối với cơ sở thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định)

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **BỘ PHẬN CHỨA ĐỰNG THỰC PHẨM CỦA MÁY XAY AKIBA HANDY**

2. Thành phần: Nhựa PCTG, Nhựa ABS, Silicone, Inox 304.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: Không áp dụng

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì: quy cách đóng gói 20 cái/ thùng carton.

Hoặc đóng gói theo quy cách yêu cầu của khách hàng.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

• Chịu trách nhiệm về hàng hóa bởi: Công Ty Cổ Phần Tân Phú Việt Nam.

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

• Sản xuất tại: ZBEA CO.,LTD

Địa chỉ: Tongan Village, Dongfeng Town, Zhongshan City, Guangdong Province, China (Trung Quốc)

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 12-1:2011/BYT “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm”
- QCVN 12-2:2011/BYT “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ bằng cao su tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm”
- QCVN 12-3: 2011/BYT “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ bằng kim loại tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm”

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 6 năm 2024

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



Ngô Đức Trung
Phó Tổng giám đốc

MẪU NHÃN SẢN PHẨM DỰ KIẾN

Tên sản phẩm: Bộ phận chứa đựng thực phẩm của Máy xay Akiba Handy

• Mã sản phẩm: HNK.MXCT.AKHA • Model: AH2303

• Dung tích: 350 ml • Công suất: 50 W • Thông số kỹ thuật: Kích thước (D x R x C) tương ứng (82 x 82 x 218) mm • Thông số pin sạc: Dung lượng pin: 7.4 VDC - 700 mAh (kèm bộ sạc cổng USB

5V - 1A) • Khối lượng tịnh: 440 g • Thành phần: Nhựa PCTG, nhựa ABS, silicone, inox 304

• Hướng dẫn sử dụng: Đọc kỹ tờ hướng dẫn sử dụng bên trong bao bì • Bảo quản: Nơi khô ráo, thoáng mát • Thông tin cảnh báo: Không dùng sản phẩm để đựng sữa, đựng đá khô và đồ uống có ga. Không dùng trong lò vi sóng và máy rửa bát. Không đặt gần lửa.

Chịu trách nhiệm về hàng hoá bởi:

Công ty Cổ phần Tân Phú Việt Nam

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh,

Quận Tân Phú, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Hotline: 1800 7009 (miễn phí)

Sản xuất tại ZBEA CO., LTD

Địa chỉ: Tongan Village, Dongfeng Town,

Zhongshan City, Guangdong Province,

China (Trung Quốc)

SX 11/2023

Xuất xứ: Trung Quốc



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu :	743-2024-00008920	
Mã số kết quả :	AR-24-VD-011363-03-VI / EUVNHC-00251793	

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN PHÚ VIỆT NAM 314 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú TP.HCM, Việt Nam

Tên mẫu :	Bộ phận chứa đựng thực phẩm của Máy xay Akiba Handy
Tình trạng mẫu :	Mẫu thành phẩm
Ngày nhận mẫu :	19/01/2024
Thời gian thử nghiệm :	19/01/2024 - 25/01/2024
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng :	25/01/2024
Mã số PO của khách hàng :	N6IK2401182189

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	GIỚI HẠN TỐI ĐA
Thành phần bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm (Nhựa PCTG)					
1	VD750 VD (a) Chì (Pb)	µg/ g	QCVN 12-1:2011/BYT; AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.08)	100
2	VD751 VD (a) Cadimi (Cd)	µg/ g	QCVN 12-1:2011/BYT; AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.04)	100
3	VD755 VD (a) Kim loại nặng quy Pb (acid acetic 4%, 60°C, 30 phút)	µg/ ml	QCVN 12-1:2011/BYT	Không phát hiện (LOD = 0.4)	1
4	VD295 VD (a) Lượng KMnO4 sử dụng (Nước, 60°C, 30 phút)	µg/ ml	QCVN 12-1:2011/BYT	Không phát hiện (LOD=1)	10
Thành phần bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm (Nhựa ABS)					
5	VDUVY VD (a) Chì (Pb)	µg/ g	QCVN 12-1:2011/BYT; AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.08)	100
6	VDBHK VD (a) Cadimi (Cd)	µg/ g	QCVN 12-1:2011/BYT; AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.04)	100
7	VDBHL VD (a) Kim loại nặng quy Pb (acid acetic 4%, 60°C, 30 phút)	µg/ ml	QCVN 12-1:2011/BYT	Không phát hiện (LOD = 0.4)	1
8	VD2K3 VD (a) Lượng KMnO4 sử dụng (Nước, 60°C, 30 phút)	µg/ ml	QCVN 12-1:2011/BYT	Không phát hiện (LOD=1)	10
Thành phần bằng cao su tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm (Silicone)					
9	VD753 VD (a) Cadimi (Cd)	µg/ g	AOAC 2015.01; QCVN 12-2:2011/BYT	Không phát hiện (LOD=0.04)	100
10	VD752 VD (a) Chì (Pb)	µg/ g	AOAC 2015.01; QCVN 12-2:2011/BYT	Không phát hiện (LOD=0.08)	100
11	VD0FB VD 2-Mercaptoimidazolin (Cao su chứa Clor)		QCVN 12-2:2011/BYT	Âm tính	Âm tính
12	VD732 VD Phenol (Nước, 60°C, 30 phút)	µg/ ml	QCVN 12-2:2011/BYT	Không phát hiện (LOD=1)	5
13	VD0FC VD (a) Formaldehyde (nước, 60°C, 30 phút)		QCVN 12-2:2011/BYT	Âm tính	Âm tính

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	GIỚI HẠN TỐI ĐA
Thành phần bằng cao su tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm (Silicone)					
14	VD0FD VD (a) Kim loại nặng quy Pb (Acid acetic 4%, 60°C, 30 phút)	µg/ ml	QCVN 12-2:2011/BYT	Không phát hiện (LOD = 0.4)	1
15	VD765 VD Kẽm (Zn) (Acid acetic 4%, 60°C, 30 phút)	µg/ ml	QCVN 12-2:2011/BYT	Không phát hiện (LOD=0.1)	15
16	VD788 VD (a) Cặn khô (A.acetic 4%, 60°C, 30 phút)	µg/ ml	QCVN 12-2:2011/BYT	Không phát hiện (LOD=5)	60
17	VD786 VD (a) Cặn khô (Ethanol 20%, 60°C, 30 phút)	µg/ ml	QCVN 12-2:2011/BYT	Không phát hiện (LOD=5)	60
18	VD787 VD (a) Cặn khô (Nước, 60°C, 30 phút)	µg/ ml	QCVN 12-2:2011/BYT	Không phát hiện (LOD=5)	60
Thành phần bằng kim loại tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm (Inox 304)					
19	VD771 VD (a) Arsenic (As) (acid citric 0.5%, 60°C, 30 phút)	µg/ ml	AOAC 2015.01; QCVN 12-3:2011/BYT	Không phát hiện (LOD=0.0008)	0.2
20	VD770 VD (a) Arsenic (As) (nước, 60°C, 30 phút)	µg/ ml	AOAC 2015.01; QCVN 12-3:2011/BYT	Không phát hiện (LOD=0.0008)	0.2
21	VD774 VD (a) Cadimi (Cd) (acid citric 0.5%, 60°C, 30 phút)	µg/ ml	AOAC 2015.01; QCVN 12-3:2011/BYT	Không phát hiện (LOD=0.0008)	0.1
22	VD773 VD (a) Cadimi (Cd) (nước, 60°C, 30 phút)	µg/ ml	AOAC 2015.01; QCVN 12-3:2011/BYT	Không phát hiện (LOD=0.0008)	0.1
23	VD777 VD (a) Chì (Pb) (acid citric 0.5%, 60°C, 30 phút)	µg/ ml	AOAC 2015.01; QCVN 12-3:2011/BYT	Không phát hiện (LOD=0.0015)	0.4
24	VD776 VD (a) Chì (Pb) (nước, 60°C, 30 phút)	µg/ ml	AOAC 2015.01; QCVN 12-3:2011/BYT	Không phát hiện (LOD=0.0015)	0.4

KẾT LUẬN

Những chỉ tiêu trên bảng kết quả kiểm nghiệm cho phần "Thành phần bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm (Nhựa PCTG)" phù hợp với QCVN 12-1:2011/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm) tại bảng 1.

Những chỉ tiêu trên bảng kết quả kiểm nghiệm cho phần "Thành phần bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm (Nhựa ABS)" phù hợp với QCVN 12-1:2011/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm) tại bảng 1.

Những chỉ tiêu trên bảng kết quả kiểm nghiệm cho "Thành phần bằng cao su tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm (Silicone)" phù hợp với QCVN 12-2:2011/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ bằng cao su tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

Những chỉ tiêu trên bảng kết quả kiểm nghiệm cho phần "Thành phần bằng kim loại tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm (Inox 304)" phù hợp với QCVN 12-3:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng kim loại tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

Thông tin thành phần vật liệu tiếp xúc thực phẩm do khách hàng cung cấp.

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

HÌNH ẢNH MẪU NHẬN ĐƯỢC



Ký tên

Nguyễn Anh Vũ
Giám Đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh



Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 15/07/2024, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 15/07/2024.

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng cung cấp. Thông tin mẫu và thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-lai-viet-nam/eurofins-sac-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Ký Hải Đăng xây dựng.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sắc Ký Hải Đăng.

(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.

(*Kết quả này thay cho kết quả số AR-24-VD-011363-02/743-2024-00008920, xuất ngày 10/05/2024; bản kết quả cũ sẽ bị hủy.)